

Bản án số: 194/2022/HS-ST

Ngày: 21/6/2022

**NHÂN DANH  
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

**TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ HÀ NỘI**

***- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:***

*Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:* Ông Trần Đ Hiếu

*Thẩm phán:* Ông Nguyễn Thanh Nhã

*Các Hội thẩm nhân dân:* Ông Nguyễn Thái Hà

Bà Bùi Thị Thu Giang

Bà Chu Thị Kim Oanh

***- Thư ký phiên tòa:*** Ông Lý Minh Chính – Thư ký Tòa án.

***- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Hà Nội tham gia phiên tòa:***

Bà Bùi Thị Vân - Kiểm sát viên.

Trong ngày 21 tháng 6 năm 2022 tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Hà Nội xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự sơ thẩm thụ lý số 25/2022/TLST-HS ngày 26 tháng 01 năm 2022 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 192/2022/QĐXXST - HS ngày 23 tháng 5 năm 2022 đối với các bị cáo:

**1. Trần Tuấn A**, sinh năm 1989; Nơi đăng ký thường trú: Thôn ĐT, xã NT, huyện VG, tỉnh Hưng Yên; Nghề nghiệp: Lao động tự do; Trình độ học vấn: Cử nhân; Dân tộc: Kinh; Giới tính: Nam; Tôn giáo: Không; Quốc tịch: Việt Nam; Con ông Trần Văn T sinh năm 1968 và bà Phan Thị K sinh năm 1968; Có vợ là Trần Thị H sinh năm 1989 và có 02 con, lớn nhất sinh năm 2016, nhỏ nhất sinh năm 2019; Tiền án, tiền sự: Không. Bị cáo bị bắt tạm giam từ ngày 09/3/2021; Tạm giam tại Trại tạm giam số 1 - Công an thành phố Hà Nội. Có mặt.

**2. Lê Văn Đ**, sinh năm 1991; Nơi đăng ký thường trú: Thôn ĐT, xã NT, huyện VG, tỉnh Hưng Yên; Nghề nghiệp: Lao động tự do; Trình độ học vấn: 12/12; Dân tộc: Kinh; Giới tính: Nam; Tôn giáo: Không; Quốc tịch: Việt Nam; Con ông Lê Văn B sinh năm 1955 và bà Đinh Thị T sinh năm 1959; Có vợ là Nguyễn Thị Y sinh năm 1991 và có 01 con sinh năm 2020; Tiền án, tiền sự: Không. Bị cáo bị bắt tạm giam từ ngày 09/3/2021 đến ngày 21/01/2022; Áp dụng biện pháp ngăn chặn cấm đi khỏi nơi cư trú. Có mặt.

**- Người bào chữa cho bị cáo Trần Tuấn A:** Luật sư Bùi Văn Minh – Văn phòng Luật sư Nguyễn Trang – Đoàn Luật sư thành phố Hà Nội. Có mặt.

- *Người bào chữa cho bị cáo Lê Văn Đ:* Luật sư Nguyễn Quang Tiến - Văn phòng Luật sư Đặng Sơn & Cộng sự - Đoàn Luật sư thành phố Hà Nội. Có mặt.

- *Người bị hại:*

1. Anh Phan Thanh H, sinh năm 1993; Địa chỉ: Thôn x, xã BT, huyện BT, tỉnh Quảng Bình. Vắng mặt.

2. Anh Phan Văn H, sinh năm 1993; Địa chỉ: thôn x, xã BT, huyện BT, tỉnh Quảng Bình. Vắng mặt.

3. Anh Nguyễn Đ H, sinh năm 1987; Địa chỉ: Tổ dân phố ĐT, phường LH, thành phố PL, tỉnh Hà Nam. Vắng mặt.

4. Anh Bùi Văn N, sinh năm 1975; Địa chỉ: Tổ 9, xã NG, huyện NT, tỉnh Nam Định. Vắng mặt.

5. Anh Bùi Xuân T, sinh năm 1983; Địa chỉ: Tổ dân phố x, thị trấn ĐH, huyện ĐH, tỉnh Kon Tum. Hiện đang ở: Ấp BC, xã TM, huyện ĐH, tỉnh Long An. Vắng mặt.

6. Anh Nguyễn Văn T, sinh năm 1979; Địa chỉ: xóm MH, xã ST, huyện HS, tỉnh Hà Tĩnh.

7. Anh Nguyễn Minh H, sinh năm 1990; Địa chỉ: Xã XT, huyện BT, tỉnh Quảng Bình. Vắng mặt.

8. Anh Trần Công D, sinh năm 1987; Địa chỉ: Tổ 6, phường TP, thành phố TB, tỉnh Thái Bình. Vắng mặt.

9. Anh Võ Văn H, sinh năm 1991; Địa chỉ: thôn YT, xã YH, huyện CX, tỉnh Hà Tĩnh. Vắng mặt.

10. Anh Phan Lê Đ, sinh năm 1990; Địa chỉ: xóm ĐH, xã ĐT, huyện YT, tỉnh Nghệ An. Vắng mặt.

- *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:*

1. Chị Trần Thị H sinh năm 1989, Nơi đăng ký thường trú: Thôn ĐT, xã NT, huyện VG, tỉnh Hưng Yên; Là vợ bị cáo Trần Tuấn A. Có mặt.

2. Chị Nguyễn Thị Y sinh năm 1991, Nơi đăng ký thường trú: Thôn ĐT, xã NT, huyện VG, tỉnh Hưng Yên; Là vợ bị cáo Lê Văn Đ. Có mặt.

### **NỘI DUNG VỤ ÁN:**

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Trần Tuấn A và Lê Văn Đ là người cùng thôn ĐT, xã NT, huyện VG, tỉnh Hưng Yên nên quen biết nhau và đều là lao động tự do, không làm trong lĩnh vực xuất khẩu lao động cũng như không có chức năng tuyển dụng lao động đi xuất khẩu. Với mục đích có tiền, khoảng cuối năm 2018, Tuấn A bàn với Đ cùng đăng tuyển đơn hàng đi xuất khẩu lao động. Đến khoảng đầu năm 2019, Trần Tuấn A và Lê Văn Đ biết thông tin Công ty cổ phần thương mại phát triển quốc tế BM (Trụ sở tại: Số x, ngách y, ngõ z, đường L, ĐĐ, Hà Nội). Địa chỉ giao dịch: Tầng x, tòa nhà MD CT, số y đường NCT, phường CD, quận NTL, Hà Nội là Công ty được Cục quản lý lao động ngoài nước cấp phép hoạt động

dịch vụ đưa người lao động đi làm việc ở nước ngoài nhưng chưa được cấp phép thực hiện đơn hàng đi lao động tại Slovakia. Lợi dụng thông tin trên, Trần Tuấn A và Lê Văn Đ đã bàn bạc, thống nhất tự giới thiệu là nhân viên của Công ty cổ phần thương mại phát triển quốc tế BM, sau đó đăng thông tin trên trang Facebook cá nhân của Đ về việc tuyển dụng lao động làm thợ hàn đi xuất khẩu tại Slovakia, với chi phí từ 8.000USD - 10.000USD/01 trường hợp, đặt cọc trước 5.000.000 đồng và trước khi đi làm Visa nộp thêm 2.000USD - 4.000USD/01 trường hợp. Cá nhân có nhu cầu đi xuất khẩu lao động sẽ đến địa chỉ: Tầng 12, Toà nhà Licogi 13, số 164 Khuất Duy Tiên, quận Thanh Xuân, Hà Nội để nộp hồ sơ và tiền đặt cọc. Để người lao động tin tưởng nộp tiền, Tuấn A đã sử dụng phiếu thu, phiếu cam kết ghi tên Công ty Cổ phần Phát triển quốc tế BM. Trần Tuấn A ký tên dưới mục người thu tiền, còn Lê Văn Đ sử dụng phiếu thu, phiếu cam kết đóng dấu treo Công ty Cổ phần quốc tế CAA Việt Nam - là công ty do Lê Văn N (bạn Đ) thành lập. Do anh N gửi Đ con dấu và giấy phép kinh doanh để làm thủ tục mở lại mã số thuế đã bị đóng, nên Đ đã tự sử dụng con dấu trên. Tại mục người nhận tiền, có phiếu thu Đ ký tên là Lê Văn Đ, có phiếu thu ký tên là Lê Thành Đ. Tuấn A và Đ đều cam kết từ 06 tháng đến 12 tháng sẽ được xuất cảnh đi làm việc tại Slovakia.

Với phương thức, thủ đoạn trên, trong khoảng thời gian từ tháng 3/2019 đến tháng 7/2019, Trần Tuấn A và Lê Văn Đ đã thu tiền của 09 người lao động. Ngoài ra cá nhân Trần Tuấn A còn thu tiền của 01 người lao động, sau đó không thực hiện như cam kết mà sử dụng vào mục đích cá nhân, cụ thể:

**1. Hành vi lừa đảo chiếm đoạt số tiền 98.050.000 đồng của anh Phan Thanh H (Sinh năm 1993, trú tại: Thôn x, xã BT, huyện BT, tỉnh Quảng Bình):**

Tháng 6/2019, qua tìm hiểu trên mạng Internet, anh H liên hệ với một người tên Phương (không rõ lai lịch) và nộp hồ sơ cho Phương. Sau đó, Phương nói chuyển hồ sơ cho Nguyễn Đình T (Sinh năm 1995, Trú tại: thôn ĐĐ, xã QL, huyện HM, tỉnh Nghệ An) và hẹn anh H đến gặp T tại Hà Nội. Anh H được T đưa đến gặp Lê Văn Đ và Trần Tuấn A. Đ và Tuấn A giới thiệu là nhân viên Công ty BM, trao đổi về việc tuyển thợ hàn đi xuất khẩu lao động tại Slovakia, mức lương 50.000.000 đồng/tháng. Trong hai ngày 01 và 16/7/2019, anh H đã nộp cho Đ tổng số 98.050.000 đồng. Đ viết cho anh H 01 phiếu thu, 01 Phiếu cam kết tham gia đơn tuyển thể hiện đã nhận tiền và cam kết sau 5 tháng sẽ được xuất cảnh (Các tài liệu này đều đóng dấu Công ty CP quốc tế CAA Việt Nam). Sau khi nộp tiền, anh H được Tuấn A đưa đi học lớp hàn MAG 3G tại Đại học Công nghiệp Hà Nội. Số tiền Đ nhận được, Đ đã chuyển cho Tuấn A 69.000.000 đồng, số còn lại Đ sử dụng chi tiêu cá nhân. Sau đó, anh H không thấy được đi xuất khẩu lao động tại Slovakia nên ngày 18/10/2020, anh H làm đơn tố giác hành vi của Trần Tuấn A và Lê Văn Đ đến Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an quận Bắc Từ Liêm. Trong các ngày 04/3/2021, 29/4/2021 và 07/5/2021, Lê Văn Đ và gia đình đã trả lại số tiền 98.050.000 đồng cho anh Phan Thanh H. Anh H có đơn xin rút đơn tố cáo đối với Lê Văn Đ.

**2. Hành vi lừa đảo chiếm đoạt số tiền 98.050.000 đồng của anh Phan Văn H (Sinh năm 1993, trú tại: Thôn x, xã BT, huyện BT, tỉnh Quảng Bình):**

Tháng 6/2019, anh H được anh Phan Thanh H (là hàng xóm) rủ cùng đi xuất khẩu lao động, anh H cùng anh H đến gặp Nguyễn Đình T tại Hà Nội và được Tuấn đưa đến gặp Lê Văn Đ, Trần Tuấn A. Qua trao đổi, Tuấn A và Đ giới thiệu là nhân viên Công ty BM có thể giúp anh Hải đi xuất khẩu lao động tại Slovakia. Ngày 01/7/2019 và ngày 16/7/2019, anh Hải đã nộp cho Đ tổng số tiền là 98.050.000 đồng, Đ viết cho anh Hải 01 phiếu thu, 01 Phiếu cam kết tham gia đơn tuyển thể hiện việc đã nhận tiền và cam kết sau 5 tháng sẽ xuất cảnh (Các tài liệu trên đều đóng dấu Công ty CP quốc tế CAA Việt Nam). Sau khi nộp tiền, anh H được Tuấn A đưa đi học lớp hàn MAG 3G tại Đại học Công nghiệp Hà Nội. Số tiền Đ nhận được, Đ đã chuyển cho Tuấn A 69.000.000 đồng, số còn lại Đ sử dụng chỉ tiêu cá nhân. Theo cam kết, anh H không được đi xuất khẩu lao động tại Slovakia nên ngày 21/10/2020, anh H đã gửi đơn tố cáo hành vi của Trần Tuấn A và Lê Văn Đ đến Công an quận Bắc Từ Liêm. Trong các ngày 04/3/2021, 29/4/2021 và 07/5/2021, Lê Văn Đ và gia đình đã trả lại toàn bộ số tiền trên cho anh H. Anh H có đơn xin rút lại đơn tố cáo đối với Lê Văn Đ.

**3. Hành vi lừa đảo chiếm đoạt 51.000.000 đồng của anh Nguyễn Đ H (Sinh năm 1987, trú tại: Tổ dân phố ĐT, LH, thành phố PL, tỉnh Hà Nam):**

Tháng 4/2019, do có nhu cầu đi xuất khẩu lao động, anh Nguyễn Đ H đã gọi đến số điện thoại đăng trên mạng Internet và được Tuấn A nói chi phí đi làm công việc cơ khí đóng tàu tại Slovakia với chi phí là 9.000USD. Ngày 10/4/2019, anh H đến gặp Tuấn A. Do đi vắng nên Tuấn A đã bảo Lê Văn Đ nhận hồ sơ và thu tiền đặt cọc. Đ nhận của anh H hồ sơ và số tiền 5.000.000 đồng (Đ ký nhận vào giấy uỷ quyền cá nhân với tên là Nguyễn Thành Đ). Ngày 02/8/2019, theo yêu cầu của Tuấn A, anh H đã nhờ ông Nguyễn Đ H (là bố đẻ) chuyển vào tài khoản số 1400205393222 của Trần Tuấn A mở tại ngân hàng Agribank số tiền 46.000.000 đồng. Sau khi thu tiền, Tuấn A không thực hiện như cam kết. Ngày 11/4/2021, anh H đã gửi đơn đến Công an quận Bắc Từ Liêm tố cáo hành vi của Trần Tuấn A và yêu cầu bồi thường số tiền 51.000.000 đồng.

**4. Hành vi lừa đảo chiếm đoạt số tiền 51.000.000 đồng của anh Bùi Văn N (Sinh năm 1975, trú tại: xã NG, huyện NT, tỉnh Nam Định):**

Đầu năm 2019, qua tìm hiểu trên mạng Internet, anh N liên hệ với Trần Tuấn A, Tuấn A giới thiệu có khả năng đưa người đi xuất khẩu lao động tại Slovakia. Ngày 22/5/2019, anh N đã nộp cho Tuấn A 5.000.000 đồng; Ngày 15/6/2019, anh N nộp tiếp số tiền 46.000.000 đồng. Tuấn A viết phiếu thu và hẹn sau 10 tháng anh N sẽ được đi xuất khẩu lao động tại Slovakia. Sau khi thu tiền, Tuấn A đưa anh N đi học lớp hàn 3G tại trường Đại học Công nghiệp Hà Nội. Theo cam kết, anh N thấy không được đi xuất khẩu lao động tại Slovakia nên ngày 08/4/2021, anh N đã gửi đơn đến Công an quận Bắc Từ Liêm tố cáo hành vi của Tuấn A và yêu cầu bồi thường số tiền 51.000.000 đồng.

**5. Hành vi lừa đảo chiếm đoạt số tiền 69.000.000 đồng của anh Bùi Xuân T (Sinh năm 1983, Trú tại: Tổ dân phố x, thị trấn ĐH, tỉnh Kon Tum):**

Năm 2019, qua mạng Internet anh T biết thông tin tuyển dụng lao động đi Slovakia. Ngày 09/3/2019, anh T liên hệ gặp Lê Văn Đ và nộp cho Đ 5.000.000 đồng tiền đặt cọc. Đ giới thiệu anh Thế gặp Tuấn A và được Tuấn A giới thiệu là nhân viên công ty BM có khả năng đưa người lao động đi xuất khẩu. Tuấn A yêu cầu nộp thêm số tiền 41.000.000 đồng để làm chi phí thủ tục xuất cảnh. Ngày 15/6/2019, anh Thế nộp cho Tuấn A 41.000.000 đồng.

Ngày 08/10/2019, theo yêu cầu của Tuấn A, anh T chuyển 23.000.000 đồng vào số tài khoản 1400205393222 của Tuấn A mở tại Ngân hàng Agribank. Sau đó, Tuấn A đưa anh T đi học lớp hàn MAG 3G tại trường Đại học Công nghiệp Hà Nội. Theo cam kết, anh T thấy không được đi xuất khẩu lao động và nhiều lần yêu cầu Tuấn A trả lại tiền. Tuấn A đã trả lại 10.000.000 đồng cho anh Thế (không xác định được ngày trả). Anh T yêu cầu Lê Văn Đ và Trần Tuấn A trả lại 59.000.000 đồng.

**6. Hành vi lừa đảo chiếm đoạt số tiền 97.000.000 đồng của anh Nguyễn Văn T (Sinh năm 1979, trú tại: xã ST, huyện HS, tỉnh Hà Tĩnh):**

Tháng 5/2019, thông qua quan hệ xã hội, anh T được Lê Văn Đ giới thiệu là nhân viên công ty BM. Công ty đang tuyển người đi xuất khẩu lao động tại Slovakia. Theo yêu cầu của Đ, ngày 16/6/2019, anh T nộp 5.000.000 đồng tiền đặt cọc (Đ ký nhận tiền); Sau đó, Đ yêu cầu anh T nộp thêm 92.000.000 đồng làm thủ tục cấp visa và hẹn tháng 12/2019 sẽ được xuất cảnh. Ngày 12/7/2019, anh T chuyển vào tài khoản số 0591000207691 tại Ngân hàng Vietcombank mang tên Lê Văn Đ (nội dung nộp tiền lần 2 đi xuất khẩu lao động). Sau đó, anh T yêu cầu được rút hồ sơ và hoàn trả lại tiền. Đ nêu lý do dịch bệnh nên chưa xuất cảnh được. Ngày 04/3/2021, Đ đã chuyển trả lại cho anh T 20.000.000 đồng. Ngày 07/05/2021 gia đình Đ đã trả lại cho anh T số tiền 77.000.000 đồng. Anh T không yêu cầu bồi thường dân sự.

**7. Hành vi lừa đảo chiếm đoạt số tiền 69.000.000 đồng của anh Nguyễn Minh H (Sinh năm 1990, trú tại: xã XT, huyện BT, tỉnh Quảng Bình):**

Đầu năm 2019, qua tìm hiểu trên mạng Internet, anh H thấy đăng thông tin tuyển người đi xuất khẩu lao động tại Slovakia. Anh H đã liên hệ và được Tuấn A giới thiệu là nhân viên của Công ty BM làm trong lĩnh vực xuất khẩu lao động. Tuấn A hẹn anh H ra Hà Nội để trao đổi. Ngày 19/3/2019, do Tuấn A bận nên Tuấn A bảo anh H đến gặp và làm việc với Lê Văn Đ. Đ trao đổi về thủ tục xuất khẩu lao động và yêu cầu anh H nộp 5.000.000 đồng tiền đặt cọc (Đ ký nhận tiền). Sau đó, Tuấn A yêu cầu anh H đóng thêm 64.000.000 đồng. Ngày 15/7/2019 anh H đã nhờ anh Nguyễn Minh H (anh trai) chuyển số tiền 64.000.000 đồng vào tài khoản số 1400205393222 tại Ngân hàng Agribank mang tên Trần Tuấn A (nội dung nộp tiền phí nước ngoài cho Nguyễn Minh H).

Tuấn A viết phiếu thu ghi tên Công ty BM, ký tên tại phần người lập phiếu và cam kết sau 02 tháng không có visa sẽ trả lại tiền.

Theo cam kết, anh H thấy không được đi xuất khẩu lao động và nhiều lần yêu cầu Tuấn A trả lại tiền. Ngày 19/6/2019 và ngày 27/9/2020, Tuấn A chuyển trả anh H số tiền 17.000.000 đồng thông qua tài khoản của anh Nguyễn Minh H. Anh H đề nghị cơ quan điều tra xử lý theo quy định của pháp luật và yêu cầu Tuấn A trả lại số tiền 52.000.000 đồng.

**8. Hành vi lừa đảo chiếm đoạt số tiền 46.000.000 đồng của anh Trần Công D (Sinh năm 1987, trú tại: Tổ x, phường TP, thành phố TB, tỉnh Thái Bình):**

Tháng 6/2019, qua tìm hiểu trên mạng Internet, anh D thấy Lê Văn Đ đăng thông tin tuyển người đi xuất khẩu lao động tại Slovakia. Quá trình trao đổi, Đ giới thiệu làm thủ tục qua công ty BM, tổng chi phí là 3.000USD, yêu cầu đặt cọc 5.000.000 đồng. Ngày 17/6/2019, anh D nộp cho Đ 5.000.000 đồng (Đ ký nhận). Sau đó, Đ yêu cầu nộp 41.000.000 đồng và hồ sơ để làm thủ tục, cam kết sau 10 tháng sẽ xuất khẩu lao động. Ngày 19/6/2019, anh D nộp cho Đ số tiền 49.000.000 đồng. Quá thời hạn cam kết không thấy được đi xuất khẩu lao động, anh D yêu cầu trả lại tiền. Khoảng tháng 01/2021 (không nhớ ngày cụ thể), Đ đã trả lại anh D số tiền 2.500.000 đồng. Tiếp đến ngày 20/04/2021, gia đình Đ đã trả cho anh D số tiền 39.000.000 đồng. Anh D có đơn xin rút đơn tố giác Đ và không yêu cầu bồi thường dân sự.

**9. Hành vi lừa đảo chiếm đoạt số tiền 46.000.000 đồng của anh Võ Văn H (Sinh năm 1991, trú tại: thôn YT, xã YH, huyện CX, tỉnh Hà Tĩnh):**

Tháng 03/2019, qua mạng Internet, anh H thấy đăng thông tin tuyển đi xuất khẩu lao động tại Slovakia. Anh H đã liên hệ và được Tuấn A giới thiệu là Trưởng phòng thuộc công ty BM có chức năng làm thủ tục đi xuất khẩu lao động, chi phí đi xuất khẩu lao động tại Slovakia là 8.000USD và đặt cọc trước 2.000USD (tương đương 46.000.000 đồng). Tháng 7/2019 (không nhớ ngày cụ thể) anh H chuyển cho Tuấn A 46.000.000 đồng và sau 02 tháng được Tuấn A đưa đi học hàn điện tại trường Đại học công nghiệp Hà Nội, cam kết tháng 12/2019 sẽ được xuất khẩu lao động.

Sau khi Tuấn A không thực hiện được như cam kết, anh H nhiều lần yêu cầu trả lại tiền. Khoảng đầu năm 2020, Tuấn A đã trả lại cho anh H 10.000.000 đồng (không nhớ ngày cụ thể). Anh H đồng ý số tiền Tuấn A đã đóng tiền học nghề cho anh H là 4.000.000 đồng. Hiện anh H đề nghị cơ quan điều tra xử lý theo quy định của pháp luật và yêu cầu Tuấn A bồi thường số tiền còn lại là 32.000.000 đồng.

Quá trình điều tra vụ án, Lê Văn Đ còn khai bằng phương thức, thủ đoạn trên, Đ còn thu số tiền 97.000.000 đồng của anh Nguyễn Văn T (SN:1997, TS, TH, Hà Tĩnh) và thu số tiền 97.000.000 đồng của anh Nguyễn Văn L (SN:1989, TS, TH, Hà Tĩnh).

Cơ quan điều tra đã ủy thác điều tra cho Công an huyện Thạch Hà, tỉnh Hà Tĩnh, kết quả xác định: Cơ quan CSĐT - Công an huyện Thạch Hà đã mời Nguyễn Văn L đến làm việc, tuy nhiên Linh từ chối làm việc do đã được trả lại toàn bộ số tiền. Đối với anh Nguyễn Văn T, Cơ quan CSĐT - Công an huyện Thạch Hà đã tiến hành xác minh tại xã TS, huyện TH, tỉnh Hà Tĩnh xác định: Trên địa bàn xã TS, huyện TH, tỉnh Hà Tĩnh có 01 công dân tên là Nguyễn Văn T, sinh ngày 09/06/1997. Hiện Nguyễn Văn T không có mặt tại địa phương, đang lao động tại tỉnh Đồng Nai, không xác định được địa chỉ cụ thể. Do vậy, không đủ cơ sở để xác minh, ghi lời khai đối với người lao động Nguyễn Văn T và Nguyễn Văn L để làm rõ hành vi của Lê Văn Đ và đồng phạm.

**Ngoài ra, trong quá trình điều tra, cơ quan điều tra còn làm rõ Trần Tuấn A đã có hành vi lừa đảo chiếm đoạt số tiền 69.000.000 đồng của anh Phan Lê Đ (Sinh năm 1990, trú tại: thôn ĐH, xã ĐT, huyện YT, tỉnh Nghệ An):**

Do có nhu cầu đi xuất khẩu lao động và tìm hiểu trên mạng Internet thấy đăng thông tin tuyển lao động đi Ba Lan. Anh Đ đã liên lạc và được Trần Tuấn A hẹn ra Hà Nội để trao đổi. Tuấn A giới thiệu có đơn hàng làm thợ hàn tại Ba Lan và yêu cầu anh Đ đặt cọc số tiền 5.000.000 đồng. Ngày 26/3/2019, anh Đ nộp số tiền 5.000.000 đồng (Tuấn A ký giấy nhận tiền). Sau đó, Tuấn A báo không còn đơn hàng đi Ba Lan và đề nghị anh Đ chuyển sang đi xuất khẩu lao động tại Slovakia, chi phí là 9.000USD và phải nộp trước 3.000USD (tương ứng là 64.000.000 đồng). Ngày 17/7/2019, anh Đ nộp cho Tuấn A 64.000.000 đồng, Tuấn A viết phiếu thu đề tên Công ty CP phát triển quốc tế BM và cam kết sau 3-4 tháng sẽ được đi xuất khẩu lao động. Quá thời hạn cam kết không thấy được đi xuất khẩu lao động, anh Đ liên hệ với Tuấn A. Tuấn A viết cho anh Đ 01 giấy biên nhận số tiền 69.000.000 đồng và hứa hẹn đến ngày 11/12/2019 nếu không có lịch lên lần tay sẽ trả lại tiền. Sau đó, anh Đ nhiều lần yêu cầu Tuấn A trả lại tiền. Đến khoảng cuối năm 2019 (không nhớ ngày cụ thể), Tuấn A trả lại cho anh Đ số tiền 30.000.000 đồng. Anh Đ yêu cầu bồi thường số tiền 39.000.000 đồng.

Tại cơ quan điều tra, Trần Tuấn A khai: Sau khi thu tiền của người lao động. Tuấn A đã chuyển tiền cho ông Đặng Đình H (Sinh năm 1960, HKTT: x ngõ y PCK, ND, CG, Hà Nội (là Phó Giám đốc Công ty CP thương mại quốc tế BM) và bà Vũ Thị P (Sinh năm 1972, HKTT: x, Ty, chung cư z CG, phường DV, quận CG, Hà Nội) để nhờ lo cho người lao động đi xuất khẩu lao động tại Slovakia (nhưng không có tài liệu chứng minh việc chuyển tiền). Sau khi không lo được thủ tục cho người lao động, ông H và chị P có trả lại tiền cho Tuấn A nhưng do đã sử dụng chi tiêu cá nhân nên Tuấn A không có khả năng trả lại cho người lao động.

Bị cáo Lê Văn Đ khai: Đ đăng các thông tin, nội dung tuyển dụng người lao động đi làm thợ hàn tại Slovakia tại tài khoản facebook của Đ (hiện nay Đ

không còn sử dụng tài khoản facebook này, không nhớ thông tin đăng nhập): Sau khi đăng tin đi xuất khẩu lao động, Đ còn nhờ Nguyễn Đình Tuấn (là em vợ) chia sẻ bài đăng thông tin giúp Đ. Về việc sử dụng con dấu của Công ty CP quốc tế CAA, Đ trình bày do quen biết Lê Văn N - Giám đốc Công ty CP quốc tế CAA Việt Nam và thống nhất cùng với N khôi phục hoạt động kinh doanh của Công ty. Đ đã tuyển dụng Hồ Thị Hồng vào làm kế toán và trả lương cho Hồng bằng tiền cá nhân của Đ. Quá trình thu tiền của người lao động, Đ yêu cầu Hồng lập phiếu thu, thu tiền của người lao động.

Lê Văn N (Sinh năm 1982, hiện đang là phạm nhân tại Trại giam Xuân Hà - Bộ Công an) khai: Năm 2014, N thành lập Công ty CP quốc tế CAA Việt Nam do Lê Văn N làm Giám đốc, công ty hoạt động trên lĩnh vực tư vấn xây dựng, tư vấn du học, tư vấn xuất khẩu lao động và tổ chức tour du lịch. Đến đầu năm năm 2019 công ty ngừng hoạt động kinh doanh và làm thủ tục giải thể. Sau khi đóng mã số thuế của công ty, N quen biết Lê Văn Đ và trao đổi sẽ làm thủ tục để công ty hoạt động trở lại để N làm Giám đốc, Đ làm Phó Giám đốc công ty. N đưa giấy đăng ký kinh doanh và con dấu của công ty cho Đ để làm thủ tục mở lại mã số thuế và làm thủ tục cho công ty hoạt động trở lại. Sau đó, N bị Công an Hà Tĩnh khởi tố về tội “Tổ chức, môi giới cho người khác trốn đi nước ngoài hoặc ở lại nước ngoài trái phép”. Lê Văn N khẳng định công ty không có nhân viên tên Nguyễn Đình T và Hồ Thị H, không biết việc lập phiếu thu, thu tiền của H, H.

*\* Tại Bản kết luận giám định số 6367/KLGD- PC09- Đ3 ngày 20/8/2021 của Phòng Kỹ thuật hình sự - Công an thành phố Hà Nội kết luận:* Chữ ký, chữ viết đứng tên Lê Văn Đ, Lê Thành Đ, Trần Tuấn A trên các Phiếu thu, bản cam kết của người lao động cung cấp là do Lê Văn Đ, Trần Tuấn A ký, viết ra.

*\* Xác minh tại Cục quản lý lao động ngoài nước - Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội xác định:* Công ty CP thương mại quốc tế BM được Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội cấp Giấy phép hoạt động dịch vụ đưa người lao động Việt Nam đi làm việc ở nước ngoài theo Hợp đồng số 423/LĐTBXH-GP ngày 06/10/2014; Công ty CP thương mại quốc tế BM có đăng ký hợp đồng cung ứng lao động đi làm việc tại Slovakia với đối tác VITIUM SPOL, S.R.O nhưng chưa được chấp thuận.

*\* Xác minh Công ty CPTM quốc tế BM xác định:* Công ty không có nhân viên tên là Trần Tuấn A và Lê Văn Đ, công ty không có đơn hàng nào đưa lao động đi làm việc tại Slovakia, chưa được Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội cấp phép đưa lao động đi làm việc tại Slovakia. Công ty có nhân viên tên là Đặng Đình H làm việc từ tháng 5/2019 đến tháng 5/2020; Công ty không có nhân viên nào là Trần Tuấn A và Lê Văn Đ; Từ khi thành lập đến nay, công ty không có đơn hàng đưa người lao động đi làm việc tại Slovakia và cũng chưa được Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội cấp phép đưa người lao động đi làm việc tại Slovakia.



*\* Xác minh tại Công ty CP đầu tư Vĩnh Cát xác định:* Ông Đặng Đình H làm việc tại công ty từ ngày 30/08/2018 đến ngày 20/05/2019 với chức vụ là Phó Tổng Giám đốc Công ty CP đầu tư VC. Từ ngày 20/05/2019 đến nay, Công ty VC không có bất cứ giao dịch, hợp tác với ông H về việc đưa người lao động đi làm việc tại Slovakia.

*\* Xác minh tại Sở Kế hoạch và Đầu tư thành phố Hà Nội xác định:* Trên hệ thống Thông tin đăng ký doanh nghiệp quốc không có thông tin về Công ty Cổ phần phát triển Quốc tế BM ghi trên phiếu thu do Trần Tuấn A, Lê Văn Đạt ký cho người lao động; Công ty CP quốc tế CAA Việt Nam đăng ký doanh nghiệp lần đầu ngày 26/08/2014 do Lê Văn N (Sinh năm 1982, địa chỉ: Số nhà 9, tổ 6, phường Mộ Lao, quận Hà Đông, Hà Nội) là Chủ tịch Hội đồng quản trị; Người đại diện pháp luật. Ngày 16/12/2019 Sở Kế hoạch và Đầu tư thành phố Hà Nội ra Quyết định thu hồi Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp đối với Công ty CP quốc tế CAA Việt Nam.

*\* Xác minh tại Trường Đại học CN Hà Nội xác định:* Học viên Phan Thanh H sinh ngày 01/09/1993 tại Quảng Bình và học viên Phan Văn H, sinh ngày 10/11/1990 tại Quảng Bình, học viên Bùi Văn N, sinh năm 1970 tại Nam Định có trong danh sách lớp học hàn MAG 3G do Trường Đại học CN Hà Nội đào tạo và đã hoàn thành khóa học, được cấp chứng chỉ ngắn hạn “Hàn MAG 3G”.

*\* Xác minh tại Ban quản lý Toà nhà Licogi 1, địa chỉ: 164 Khuất Duy Tiến, phường Nhân Chính, quận Thanh Xuân, Hà Nội xác định:* Tháng 6/2019, Công ty CP quốc tế CAA Việt Nam có đưa một cá nhân đứng ra thuê để hoạt động tại tầng 12 đến tháng 9/2019 đã dừng hoạt động và chuyển đi nơi khác.

Căn cứ vào tài liệu điều tra xác định: Trần Tuấn A và Lê Văn Đ đã đồng phạm chiếm đoạt tổng số tiền là: 625.100.000 đồng của 09 người bị hại, trong đó Tuấn A trực tiếp nhận 271.000.000 đồng, Lê Văn Đ trực tiếp nhận 354.100.000 đồng. Trong số tiền 354.100.000 đồng Đ nhận, Đ chuyển lại cho Tuấn A tổng số tiền: 253.000.000 đồng, số tiền còn lại là 101.100.000 đồng Đ sử dụng chi tiêu cá nhân. Hiện Đ và gia đình đã khắc phục cho những người bị hại tổng số tiền 328.500.000 đồng; Trần Tuấn A đã khắc phục trả cho những người bị hại tổng số tiền 41.000.000 đồng. Ngoài ra, Trần Tuấn A còn phải chịu trách nhiệm độc lập về hành vi lừa đảo chiếm đoạt số tiền 69.000.000 đồng của anh Phan Lê Đ, đã khắc phục 30.000.000 đồng, còn 39.000.000 đồng.

Đối với anh Nguyễn Đình T (Sinh năm 1995, trú tại: ĐĐ, QL, HM, Nghệ An) là em vợ của Lê Văn Đ, là người giúp Đ đăng tin tuyển dụng xuất khẩu lao động tại Slovakia, là người giới thiệu anh Phan Thanh H, Phan Văn H cho Đ; Và đối với Hồ Thị H lập phiếu thu, thu tiền của người lao động sau đó chuyển cho Đ nhưng không được bàn bạc, không thoả thuận, không hưởng lợi từ việc này nên không đủ cơ sở xác định vai trò đồng phạm do đó Cơ quan điều tra không đề cập xử lý.

Đối với anh Đặng Đình H (Sinh năm 1960, trú tại: x ngõ y PCK, ND, CG, Hà Nội) là người quen biết Trần Tuấn A, được Tuấn A nhờ xem giúp thủ tục, điều kiện một số bộ hồ sơ của người lao động, nếu Công ty BM được cấp phép sẽ nộp hồ sơ của người lao động vào Công ty BM, sau khi không thực hiện được đã hoàn trả lại hồ sơ cho Tuấn A. Việc Tuấn A khai có đưa tiền cho ông Hoà nhưng không có tài liệu chứng minh nên cơ quan điều tra không có căn cứ để xử lý.

Đối với chị Vũ Thị P (Sinh năm 1972, trú tại: x, y, chung cư z CG, DV, Hà Nội) là người tham gia vào Hội đồng quản trị của Trường trung cấp công nghệ quản trị kinh doanh Hà Nội. Quá trình làm việc, Trần Tuấn A nhờ bà P đào tạo nghề cho một số lao động, Tuấn A đã chuyển cho bà P 400.000.000 đồng để nhờ bà P nộp giúp vào Công ty BM và hỗ trợ xin visa cho 06 người lao động. Do Công ty BM không được cấp phép xuất khẩu lao động tại Slovakia, không làm được thủ tục visa nên bà P đã hoàn trả lại toàn bộ hồ sơ và tiền cho Tuấn A. Bà P không được bàn bạc, thoả thuận, hưởng lợi từ việc nêu trên nên cơ quan điều tra không đề cập xử lý.

Bản Cáo trạng số 40/CT-VKS– P3 ngày 21/01/2022 của Viện kiểm sát nhân dân thành phố Hà Nội đã truy tố các bị cáo Trần Tuấn A và Lê Văn Đ tội “Lừa đảo chiếm đoạt tài sản” theo điểm a khoản 4 Điều 174 Bộ luật hình sự.

Tại phiên tòa:

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Hà Nội giữ nguyên quan điểm truy tố các bị cáo theo tội danh và điều luật như bản Cáo trạng đã công bố. Các bị cáo có nhân thân tốt, chưa tiền án, tiền sự; thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải; tích cực bồi thường khắc phục hậu quả cho các bị hại. Trong giai đoạn điều tra, bị cáo Lê Văn Đ đã tự nguyện bồi thường, khắc phục hậu quả cho các bị hại anh Phan Thanh H, Phan Văn H, Nguyễn Văn T, Trần Công D. Tại giai đoạn điều tra và trước khi mở phiên tòa, bị cáo Trần Tuấn A và vợ đã tự nguyện bồi thường xong số tiền chiếm đoạt của các bị hại anh Nguyễn Đ H, anh Bùi Văn N, anh Phan Lê Đ, anh Bùi Xuân T, anh Võ Văn H và anh Nguyễn Minh H. Những người bị hại đã có đơn xin giảm nhẹ hình phạt cho các bị cáo. Bị cáo Lê Văn Đ có ông ngoại là người có công với cách mạng. Các bị cáo có 01 tình tiết tăng nặng phạm tội nhiều lần. Đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng điểm a khoản 4 Điều 174; điểm b, s khoản 1, khoản 2 Điều 51; điểm g khoản 1 Điều 52; khoản 1 Điều 54 (đối với bị cáo Trần Tuấn A) và khoản 2 Điều 54 (đối với bị cáo Lê Văn Đ) của Bộ luật Hình sự, xử phạt bị cáo Trần Tuấn A từ 08 năm đến 09 năm tù; xử phạt bị cáo Lê Văn Đ từ 06 năm đến 07 năm tù về tội “Lừa đảo chiếm đoạt tài sản”.

Về xử lý vật chứng: Đề nghị trả lại cho các bị cáo điện thoại di động, máy tính xách tay đã thu giữ là tài sản cá nhân không liên quan đến hành vi phạm tội; đề nghị tịch thu tiêu hủy 01 dấu dập liền mực của Công ty CP quốc tế CAA Việt Nam là công cụ liên quan đến hành vi phạm tội không còn giá trị sử dụng.

Về trách nhiệm dân sự: Xác nhận các bị cáo đã hoàn thành nghĩa vụ bồi thường khắc phục hậu quả cho các bị hại.

- Các bị cáo trình bày: công nhận Cáo trạng của Viện kiểm sát nhân dân thành phố Hà Nội truy tố là đúng người, đúng tội, không oan; quá trình điều tra, truy tố, xét xử các bị cáo đã thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải về hành vi phạm tội và đã tích cực bồi thường khắc phục hậu quả cho bị hại. Đề nghị Hội đồng xét xử xem xét hoàn cảnh khó khăn và các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự để giảm nhẹ hình phạt cho các bị cáo.

- Người bào chữa cho bị cáo Trần Tuấn A – Luật sư Bùi Văn Minh đồng ý với tội danh và điều khoản truy tố của Viện kiểm sát nhân dân thành phố Hà Nội; đề nghị Hội đồng xét xử xem xét áp dụng các tình tiết giảm nhẹ: bị cáo nhân thân tốt, chưa tiền án, tiền sự, thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải, trước khi mở phiên toà gia đình bị cáo đã tích cực bồi thường khắc phục hậu quả cho bị hại, được các bị hại có đơn xin giảm nhẹ hình phạt nên đề nghị áp dụng điểm b, s khoản 1, khoản 2 Điều 51; khoản 1 Điều 54 của Bộ luật Hình sự để xử phạt bị cáo Trần Tuấn A dưới mức thấp nhất của khung hình phạt và thấp hơn mức đề nghị của Đại diện Viện kiểm sát.

- Người bào chữa cho bị cáo Lê Văn Đ - Luật sư Nguyễn Quang Tiến cũng đồng ý với tội danh và điều khoản truy tố của Viện kiểm sát nhân dân thành phố Hà Nội. Đề nghị Hội đồng xét xử xem xét bị cáo Lê Văn Đ có vai trò thứ yếu trong vụ án, đã tích cực bồi thường khắc phục hậu quả, có nhiều tình tiết giảm nhẹ, nên đề nghị áp dụng hình phạt thấp hơn mức án đề nghị của Đại diện Viện Kiểm sát.

- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan: Chị Trần Thị H (Vợ của bị cáo Trần Tuấn A) trình bày: bị cáo đã tác động gia đình bồi thường khắc phục hậu quả cho các bị hại, việc bồi thường của hai vợ chồng là thống nhất và hoàn toàn tự nguyện. Đề nghị Hội đồng xét xử giảm nhẹ hình phạt cho các bị cáo.

### **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về tố tụng:

Về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan cảnh sát điều tra – Công an thành phố Hà Nội, Điều tra viên, Viện kiểm sát nhân dân thành phố Hà Nội, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục theo quy định của Bộ luật tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên toà, bị cáo và Luật sư bào chữa cho bị cáo không có người nào có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

Về sự vắng mặt của các bị hại: Tòa án đã tổng đạt giấy triệu tập hợp lệ, các

bị hại đã có đơn xác nhận đã nhận tiền bồi thường của các bị cáo, có đơn đề nghị Toà án xử vắng mặt. Quá trình điều tra và trước khi mở phiên tòa các bị hại đã có lời khai và đã có ý kiến thể hiện quan điểm. Xét thấy việc vắng mặt bị hại không ảnh hưởng đến việc xét xử. Căn cứ Điều 292 của Bộ luật Tố tụng hình sự, Hội đồng xét xử quyết định tiến hành xét xử vụ án theo thủ tục chung.

[2] Về tội danh, điều luật áp dụng và hình phạt:

- *Về tội danh*: Căn cứ lời khai của các bị cáo trong giai đoạn điều tra, truy tố và tại phiên tòa; đối chiếu với lời khai của những người bị hại và những người liên quan; các biên bản xác minh; các biên bản thu giữ tài sản, giấy tờ, tài liệu; các bản kết luận giám định; các tài liệu, chứng cứ chứng minh khác có trong hồ sơ vụ án và căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử có đủ căn cứ để xác định:

Từ tháng 3 năm 2019 đến tháng 7 năm 2019, mặc dù không có chức năng, nhiệm vụ trong việc đưa người lao động đi xuất khẩu ở nước ngoài và bản thân là lao động tự do. Để có tiền chi tiêu cá nhân, Trần Tuấn A và Lê Văn Đ đã bàn bạc thống nhất đưa ra thông tin gian dối tự nhận là nhân viên của Công ty Cổ phần thương mại phát triển Quốc tế BM, đăng thông tin trên mạng Internet tuyển dụng lao động đi Slovakia làm thợ hàn với chi phí 8.000 USD - 10.000 USD/01 trường hợp và cam kết từ 6 đến 12 tháng sẽ được xuất cảnh; Lập phiếu thu, phiếu xác nhận đề tên Công ty cổ phần thương mại quốc tế BM, Công ty Cổ phần quốc tế CAA Việt Nam.

Với thủ đoạn trên, Trần Tuấn A và Lê Văn Đ đã chiếm đoạt của 09 bị hại với tổng số tiền 625.100.000 đồng. Ngoài ra, trong tháng 3/2019, Trần Tuấn A còn có hành vi lừa đảo chiếm đoạt của anh Phan Lê Đ số tiền là 69.000.000 đồng.

Bản Cáo trạng số 40/CT-VKS– P3 ngày 21/01/2022 của Viện kiểm sát nhân dân thành phố Hà Nội đã truy tố các bị cáo Trần Tuấn A và bị cáo Lê Văn Đ tội “Lừa đảo chiếm đoạt tài sản” với tình tiết tăng nặng định khung “Chiếm đoạt tài sản có giá trị từ năm trăm triệu đồng trở lên” theo điểm a khoản 4 Điều 174 Bộ luật hình sự năm 2015, sửa đổi bổ sung năm 2017 là có căn cứ, đúng pháp luật.

- *Đánh giá tính chất, mức độ nguy hiểm cho xã hội của hành vi phạm tội*:

Hành vi phạm tội lừa đảo chiếm đoạt tài sản của các bị cáo đã xâm phạm quyền sở hữu tài sản của công dân được pháp luật bảo vệ, hành vi đó còn gây mất trật tự trị an, an toàn xã hội.

- *Các tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự*: Các bị cáo nhiều lần thực hiện hành vi phạm tội nên phải chịu tình tiết tăng nặng “Phạm tội 02 lần trở lên” theo quy định tại điểm g khoản 1 Điều 52 của Bộ luật Hình sự.

- *Các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự*: Tại cơ quan điều tra và tại phiên tòa các bị cáo đã thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải; các bị cáo đã tự nguyện bồi thường khắc phục hậu quả cho các bị hại nên được áp dụng tình tiết giảm nhẹ quy định tại điểm b, s khoản 1 Điều 51 Bộ luật Hình sự.

Các bị cáo có nhân thân tốt, chưa tiền án, tiền sự. Bị cáo Lê Văn Đ hưởng lợi 101.100.000 đồng, nhưng tại giai đoạn điều tra, bị cáo và gia đình đã tích cực bồi thường cho những người bị hại với tổng số tiền 328.000.000 đồng. Bị cáo Trần Tuấn A tại giai đoạn điều tra và trước khi mở phiên toà đã tự nguyện bồi thường, trả lại số tiền chiếm đoạt cho các bị hại. Các bị hại không yêu cầu về phần dân sự và có đơn xin giảm nhẹ trách nhiệm hình sự cho 02 bị cáo. Bị cáo Lê Văn Đ có ông ngoại được tặng thưởng Huân Chương kháng chiến Hạng ba, Huy hiệu 40 năm tuổi Đảng. Đây là các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự được Hội đồng xét xử áp dụng quy định tại khoản 2 Điều 51 Bộ luật hình sự.

- *Hình phạt chính và hình phạt bổ sung*: Căn cứ tính chất, mức độ nguy hiểm cho xã hội của hành vi phạm tội, các tình tiết tăng nặng, tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự và nhân thân của các bị cáo; cũng như đánh giá vai trò của các bị cáo trong vụ án; sau khi xem xét quan điểm của Luật sư bào chữa cho các bị cáo, ý kiến của những người tham gia tố tụng và đề nghị của Đại diện Viện kiểm sát, Hội đồng xét xử nhận định: Các bị cáo có 01 tình tiết tăng nặng (Phạm tội nhiều lần), nhưng có hơn 02 tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại điểm b, s khoản 1, khoản 2 Điều 51 Bộ luật Hình sự nên có đủ căn cứ để áp dụng Điều 54 Bộ luật hình sự.

Các bị cáo đã bàn bạc, thống nhất, cố ý cùng thực hiện hành vi phạm tội lừa đảo chiếm đoạt tài sản. Đối với bị cáo Trần Tuấn A có vai trò cao hơn, chiếm đoạt tài sản nhiều hơn bị cáo Lê Văn Đ, bị cáo được áp dụng khoản 1 Điều 54 Bộ luật hình sự để quyết định một hình phạt dưới mức thấp nhất của khung hình phạt trong khung hình phạt liền kề nhẹ hơn của Điều luật. Bị cáo Lê Văn Đ phạm tội lần đầu là người giúp sức trong vụ án đồng phạm có vai trò không đáng kể, bị cáo và gia đình đã tích cực bồi thường khắc phục hậu quả nên có đủ căn cứ để áp dụng khoản 2 Điều 54 Bộ luật hình sự để quyết định một hình phạt dưới mức thấp nhất của khung hình phạt trong khung hình phạt nhẹ hơn của Điều luật.

Về hình phạt bổ sung: Theo tài liệu, chứng cứ và lời khai của các bị cáo tại phiên toà đều thể hiện các bị cáo là lao động tự do, hiện không có thu nhập, không có tài sản. Do đó, Hội đồng xét xử quyết định không áp dụng hình phạt bổ sung là phạt tiền đối với các bị cáo.

[3] Các biện pháp tư pháp:

*3.1 Về trách nhiệm bồi thường thiệt hại:*

- Đối với bị cáo Lê Văn Đ: Tại giai đoạn điều tra, bị cáo Lê Văn Đ và gia đình đã tự nguyện bồi thường, trả lại số tiền đã chiếm đoạt cho các bị hại, cụ thể: trả lại anh Phan Thanh H 98.050.000 đồng, trả lại anh Phan Văn H 98.050.000 đồng, trả lại anh Nguyễn Văn T 97.000.000 đồng, trả lại anh Trần Công D 46.000.000 đồng.

- Đối với bị cáo Trần Tuấn A: Tại giai đoạn điều tra, bị cáo Trần Tuấn A đã trả lại cho anh Bùi Xuân T 10.000.000 đồng; trả lại anh Nguyễn Minh H

17.000.000 đồng; trả lại anh Võ Văn H 14.000.000 đồng; trả lại anh Phan Lê Đ 30.000.000 đồng.

Trước khi mở phiên toà, bị cáo Trần Tuấn A và vợ đã tự nguyện bồi thường, trả tiền cho các bị hại. Anh Nguyễn Đ H đã nhận 25.500.000 đồng và không yêu cầu bồi thường số tiền còn lại 25.500.000 đồng; Anh Bùi Văn N đã nhận 30.000.000 đồng và không yêu cầu bồi thường số tiền còn lại 21.000.000 đồng. Anh Bùi Xuân T đã nhận 29.500.000 đồng và không yêu cầu bồi thường số tiền còn lại 29.500.000 đồng. Anh Võ Văn H đã nhận 16.000.000 đồng và không yêu cầu bồi thường số tiền còn lại 16.000.000 đồng. Anh Phan Lê Đ đã nhận 19.500.000 đồng và không yêu cầu bồi thường số tiền còn lại 19.500.000 đồng. Anh Nguyễn Minh H đã nhận đủ 52.000.000 đồng.

Hội đồng xét xử chấp nhận sự tự nguyện thoả thuận bồi thường của các bị cáo và bị hại. Các bị hại đã nhận số tiền bồi thường và không yêu cầu về dân sự.

### *3.2 Về xử lý vật chứng:*

- Trả lại cho các bị cáo tài sản đã thu giữ không dùng vào việc phạm tội gồm: 01 điện thoại di động kiểu dáng Iphone màu bạc đã qua sử dụng, 01 điện thoại di động kiểu dáng Nokia màu đen đã qua sử dụng thu giữ của Trần Tuấn A. 01 điện thoại nhãn hiệu Realme đã qua sử dụng, 01 máy tính xách tay nhãn hiệu HP màu Gold đã qua sử dụng thu giữ của Lê Văn Đ.

- Tịch thu, tiêu hủy: 01 dấu dập liền mực của Công ty Cổ phần quốc tế CAA Việt Nam là phương tiện dùng vào việc phạm tội, không còn giá trị sử dụng.

[4] Về án phí: Các bị cáo Trần Tuấn A, Lê Văn Đ phải chịu án phí hình sự sơ thẩm theo quy định pháp luật. Về án phí dân sự sơ thẩm: Các bị cáo đã hoàn thành nghĩa vụ bồi thường cho các bị hại tại giai đoạn điều tra và trước khi mở phiên toà nên không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm.

[5] Về quyền kháng cáo: Bị cáo, bị hại, người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan có quyền kháng cáo theo quy định pháp luật.

Vì các lẽ trên,

## **QUYẾT ĐỊNH:**

[1] Về tội danh, điều luật áp dụng và hình phạt:

Tuyên bố bị cáo **Trần Tuấn A** và bị cáo **Lê Văn Đ** phạm tội “Lừa đảo chiếm đoạt tài sản”.

Áp dụng điểm a khoản 4 Điều 174; điểm b, s khoản 1, khoản 2 Điều 51; điểm g khoản 1 Điều 52; Điều 17; Điều 38; Điều 58; khoản 1 Điều 54 của Bộ luật Hình sự. Xử phạt bị cáo Trần Tuấn A 07 (Bảy) năm tù, thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày 09/3/2021.

Áp dụng điểm a khoản 4 Điều 174; điểm b, s khoản 1, khoản 2 Điều 51; điểm g khoản 1 Điều 52; Điều 17; Điều 38; Điều 58; khoản 2 Điều 54 của Bộ luật Hình sự. Xử phạt bị cáo Lê Văn Đ 05 (Năm) năm tù, thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày bắt thi hành án, được trừ thời tạm giam từ ngày

09/3/2021 đến ngày 21/01/2022.

**[2] Các biện pháp tư pháp:**

*2.1 Về trách nhiệm bồi thường thiệt hại:* Các bị cáo đã tự nguyện bồi thường khắc phục hậu quả cho người bị hại. Các bị hại đã nhận số tiền bồi thường và không yêu cầu về dân sự.

*2.2 Về xử lý vật chứng:* Căn cứ các Điều 46, Điều 47 của Bộ luật Hình sự; Điều 106 của Bộ luật Tố tụng Hình sự;

- Trả lại cho bị cáo Trần Tuấn A 01 điện thoại di động kiểu dáng Iphone màu bạc đã qua sử dụng; 01 điện thoại di động kiểu dáng Nokia màu đen đã qua sử dụng.

- Trả lại cho bị cáo Lê Văn Đ 01 điện thoại nhãn hiệu Realme đã qua sử dụng; 01 máy tính xách tay nhãn hiệu HP màu Gold đã qua sử dụng.

- Tịch thu, tiêu hủy: 01 dấu đập liên mực của Công ty Cổ phần quốc tế CAA Việt Nam.

Tình trạng vật chứng như Biên bản về việc giao nhận vật chứng, tài sản ngày 14/3/2022 giữa Cơ quan Cảnh sát điều tra - Công an thành phố Hà Nội và Cục Thi hành án dân sự thành phố Hà Nội tại Kho vật chứng Cục Thi hành án dân sự thành phố Hà Nội.

**[3] Về án phí:** Áp dụng khoản 2 Điều 135, Điều 136 Bộ luật Tố tụng hình sự; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án:

Bị cáo Trần Tuấn A và bị cáo Lê Văn Đ mỗi người phải nộp 200.000 đồng (Hai trăm nghìn đồng) án phí hình sự sơ thẩm.

**[4] Về quyền kháng cáo:** Căn cứ Điều 331; Điều 333 của Bộ luật Tố tụng hình sự, án xử công khai các bị cáo, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan có mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Bị hại vắng mặt có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc ngày bản án được niêm yết tại trụ sở Ủy ban nhân dân nơi cư trú.

***Nơi nhận:***

- Tòa án nhân dân cấp cao tại Hà Nội;
- VKSND TP Hà Nội;
- Công an thành phố Hà Nội;
- CQTHAHS TP Hà Nội;
- CQTHADS TP Hà Nội;
- Trại tạm giam số 1;
- Bị cáo; Bị hại; Người có QLNV liên quan;
- Người bào chữa;
- Lưu VT, THS.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM  
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

**Trần Đ Hiếu**